TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 546/2024/HS-PT
Ngày 15 tháng 7 năm 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà;

Các Thẩm phán: Ông Thái Duy Nhiệm;

Bà Hoàng Thị Bích Hải.

- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa***: Ông Phan Nhật Phong, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Huy Hải, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 15 tháng 7 năm 2024, tại Điểm cầu trung tâm Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và Điểm cầu thành phần Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh T, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử công khai theo hình thức trực tuyến vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 387/2024/TLPT-HS ngày 28 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo Trần P và đồng phạm phạm tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" và "Sử dụng tài liệu của cơ quan, tổ chức", do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2024/HS-ST ngày 22/02/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh T.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **Trần P**; Tên gọi khác: Không; sinh năm 1983 tại tỉnh Đắk Nông; Nơi cư trú: Căn hộ A, chung cư A, phường A, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Trần Văn L (Đã chết) Con bà: Huỳnh Thị Kim N (sinh năm 1958). Vợ: Nguyễn Thị T (sinh năm 1985). Có 02 con (lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2009); Tiền án, tiền sự: không. Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/01/2023 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T (Có mặt).

2. Họ và tên: **Nguyễn Thị T1**; Tên gọi khác: Không; sinh năm 1989 tại tỉnh Bắc Giang; Nơi cư trú: P chung cư A, phường A, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Giới tính: Nữ; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông:

Nguyễn Ngọc D (sinh năm 1959); Con bà: Trần Thị H (sinh năm 1961); Chồng: Nguyễn Tấn T2 (sinh năm 1988); Có 02 con (lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2018). Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giữ từ ngày 01/01/2023 đến ngày 10/01/2023 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn "Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú" (Có mặt).

3. Họ và tên: **Nguyễn Tấn T2**; Tên gọi khác: Không; sinh năm 1988 tại thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: P Chung cư A, phường A, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 12/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông: Nguyễn Tấn S (sinh năm 1960); Con bà: Võ Thị H1 (đã chết); Vợ: Nguyễn Thị T1 (sinh năm 1988); Có 02 con (lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2018). Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/01/2023 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T (Có mặt).

4. Họ và tên: **Nguyễn Thị T**; Tên gọi khác: Không; sinh năm 1985 tại huyện T, tỉnh Bắc Giang; Nơi cư trú: Căn hộ A, chung cư A, phường A, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Giới tính: Nữ; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn Ngọc D (sinh năm 1959); Con bà: Trần Thị H (sinh năm 1961). Chồng: Trần P (sinh năm 1983). Có 02 con, (lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2009); Tiền án, tiền sự: Không. Tạm giữ, tạm giam: Không. Đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú" (Có mặt).

5. Họ và tên: **Trương Thị D1**; Tên gọi khác: Không; sinh năm 1999 tại huyện H, tỉnh T; Nơi cư trú: Thôn C Đ, xã H, huyện H, T. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Trương Ngọc T3 (sinh năm 1967). Con bà: Lường Thị Đ1 (sinh năm 1967). Chồng: Dương Văn H2 (sinh năm 1995); Con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không. Tạm giữ, tạm giam: Không. Đang áp dụng biện pháp ngăn chặn "Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú" (Có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị cáo khác không kháng cáo, không liên quan đến nội dung kháng cáo, hoặc có kháng cáo nhưng đã rút kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 26/12/2022, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T tiếp nhận đơn tố giác về tội phạm của chị Vũ Thị H3 (sinh năm 1991) - Phó hiệu trưởng trường mầm non C4 ở phố P, thị trấn B, huyện H, tỉnh T tố giác Trương Thị D1 (sinh năm 1999), ở xã H, huyện H có hành vi sử dụng Bằng tốt nghiệp cao đẳng giả để xin việc tại Trường mầm non C4. Sau khi tiếp nhận tin, điều tra, xác minh, D1 đã khai nhận về việc nhờ Bùi Thị M (sinh năm 1994) ở xã H, huyện H mua giúp Bằng tốt

nghiệp Cao đẳng giả với giá 10.000.000đ. Nhận được bằng giả, D1 sử dụng làm hồ sơ xin việc tại Trường mầm non C4. D1 giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 Bằng tốt nghiệp Cao đẳng giáo dục mầm non, 01 bảng kết quả toàn khóa học của Trường Đại học H11.

Làm việc với Bùi Thị M khai nhận: Khoảng tháng 10/2022, khi được Trương Thị D1 nhờ mua Bằng tốt nghiệp Cao đẳng mầm non, M đã tìm kiếm trên mạng Facebook với nội dung "làm bằng cấp giấy tờ", M liên hệ, thuê làm 01 Bằng tốt nghiệp Cao đẳng giáo dục mầm non của Trường Đại Học H11 cho D1 theo mẫu giống Bằng tốt nghiệp Cao đẳng sư phạm mầm non của M với giá 2.000.000đ. Ngày 09/11/2022, M nhận được Bằng tốt nghiệp Cao đẳng giả thông qua công ty C5, sau khi kiểm tra M trả số tiền 2.000.000đ cho nhân viên chuyển phát. Cùng ngày, D1 đến nhà M để nhận bằng tốt nghiệp giả, M yêu cầu D1 đưa cho M số tiền 10.000.000đ. Cũng với hình thức tương tự, Bùi Thị M đã đặt làm cho Bách Thị T4 (sinh năm 1990) ở xã H, huyện H 01 Bằng tốt nghiệp Cao đẳng giáo dục mầm non và 01 bảng Kết quả toàn khóa học của Trường Đại học H11 với giá 2.000.000đ. Sau khi nhận bằng, M báo với Thu mua bằng với giá 10.000.000đ. Bách Thị Thu mua bằng nhưng chưa sử dụng.

Mở rộng điều tra vụ án, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T triệu tập Trần P, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Tấn T2, Nguyễn Trung T5, Đỗ Đức T6, các đối tượng đầu thú, khai nhận về hành vi làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức như sau:

Khoảng cuối năm 2020, do thấy hoạt động mua, bán các loại giấy tờ, tài liệu diễn ra phổ biến trên mạng Internet nên Trần P đã bàn bạc, thống nhất với Nguyễn Trung T5 (sinh năm 1994), ở phường D, quận P, thành phố Hồ Chí Minh và Đỗ Đức T6 (sinh năm 1980), ở xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước về việc hợp tác làm các loại giấy tờ, bằng cấp, chứng chỉ giả bán để thu lợi. P sẽ tìm kiếm, liên hệ với khách hàng (người có nhu cầu mua giấy tờ, bằng cấp, chứng chỉ giả) còn T5, T6 sẽ làm các loại giấy tờ, tài liệu giả theo thông tin do P cung cấp.

Sau khi thoả thuận, T5, T6 đặt mua các loại máy tính, máy in, máy làm dấu, các dụng cụ, phương tiện, hoá chất, phôi giấy tờ, tài liệu… và thuê phòng 3.37 Chung cư F, F Đ, phường P, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh làm địa điểm để làm giả các loại giấy tờ, văn bằng, chứng chỉ. Số tiền mua máy móc, thiết bị ban đầu hết khoảng 100 triệu đồng do T5, T6 bỏ ra, mỗi người một nửa. Tiền mua phôi bằng, phôi chứng chỉ hết khoảng 180 triệu đồng. Do T7, T6 không đủ tiền nên P đã ứng ra cho vay số tiền còn thiếu, trừ dần vào số tiền mà P trả cho T7, T6 về việc làm giấy tờ, tài liệu giả.

Việc thanh toán tiền làm giấy tờ, tài liệu giả thực hiện thông qua chuyển khoản từ tài khoản số 19404237 tên Ngô Tất H4 và tài khoản số 225295489 tên Trần Phúc m tại Ngân hàng A sang tài khoản số 8286863838 mở tại ngân hàng T9 của Nguyễn Trung T5. Vào thứ 6 hàng tuần, giữa P và T5 đối soát, thống nhất số lượng tài liệu đã làm giả và số tiền P phải trả cho T5, sau đó P sử dụng

tài khoản ngân hàng chuyển tiền cho T5.

Để tìm kiếm khách hàng (người có nhu cầu mua giấy tờ, bằng cấp, chứng chỉ giả), P đã thuê Mai Tiến Đ2 (sinh năm 1992), ở phường F, Quận H, thành phố Hồ Chí Minh chạy quảng cáo trên mạng facebook, G với nội dung nhận làm các loại giấy tờ, bằng cấp (Bằng tốt nghiệp các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp, Trung học phổ thông, các loại Chứng chỉ tin học, ngoại ngữ…). Đồng thời cung cấp các số điện thoại hotline/Zalo cho Đ2 đăng vào nội dung quảng cáo. P phải trả tiền cho đơn vị cung cấp dịch vụ (Facebook, G) thông qua Đ2 và trả lương cho Đ2 từ 6.000.000đ -10.000.000đ/1 tháng vào tài khoản số 19034408841014 mở tại ngân hàng T9. Từ tháng 8/2021 đến tháng 4/2022, do dịch bệnh C phức tạp, việc chạy quảng cáo không hiệu quả nên Đ2 không nhận lương do P trả.

Thông qua các Website, tài khoản Facebook quảng cáo Đ2 thực hiện, khách hàng sẽ liên hệ với Trần Phúc q số điện thoại hotline/Zalo/ M1 để đặt mua giấy tờ, tài liệu giả. P sử dụng các tài khoản Zalo MsLoan, Thảo C1, Kim P1, Trần P2, Trần H5, T… để trao đổi với khách hàng về loại bằng cấp, chứng chỉ cần làm, giá cả, hình thức giao hàng, nhận tiền…Sau khi thỏa thuận xong, P yêu cầu khách hàng cung cấp thông tin về họ tên, ngày tháng năm sinh, quê quán, tên trường cần làm bằng cấp, chứng chỉ; ngành đào tạo, năm tốt nghiệp, số điện thoại liên hệ và địa chỉ nhận hàng…qua ứng dụng Zalo. Nhận thông tin của khách hàng, P chuyển qua tài khoản Zalo MsLoan rồi chuyển qua tài khoản gmail *Thaochihcm2019@gmail.com*từ tài khoản này gửi sang tài khoản gmail *dotuan112019@gmail.com*của Nguyễn Trung T5 để T5, T6 làm. P thoả thuận với khách hàng giá tiền làm một bộ giấy tờ, tài liệu từ 1.500.000đ - 3.000.000đ tùy vào loại giấy tờ, bằng cấp cần làm và trả tiền cho T5, T6 theo loại bằng cấp như sau: Chứng chỉ tin học, ngoại ngữ là 150.000đ - 200.000đ/1 chứng chỉ; Bằng tốt nghiệp phổ thông trung học là 250.000đ - 350.000đ/1 bằng; Bằng tốt nghiệp các trường đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp từ 300.000đ - 500.000đ/1 bằng.

Khi nhận được thông tin về loại bằng cấp, chứng chỉ do P chuyển qua gmail, T5 chuyển thông tin từ tài khoản gmail *dotuan112019@gmail.com*đặt trên máy điện thoại sang tài khoản gmail *Phamthai0719@gmail.com*đặt trên máy tính. Sau đó, T5 sử dụng phần mềm "Corewl" để in các thông tin của khách hàng lên phôi bằng. T5 lên mạng tìm kiếm hình dấu của cơ quan, tổ chức cấp bằng, chứng chỉ in hình dấu ra trên loại giấy chuyên dụng để T6 sử dụng máy làm dấu, các dụng cụ, hoá chất… chế tạo hình dấu bằng miếng nhựa dẻo. T5 chuyển lại tài liệu cho T6 để ký chữ ký giả của người có thẩm quyền. T6 lên mạng internet tìm hiểu về họ tên, chữ ký của người có thẩm quyền cấp bằng, chứng chỉ tại thời điểm cấp, sau khi ký nháp thuận tay thì T6 ký trực tiếp vào bằng cấp, chứng chỉ do T5 in ra và dùng dụng cụ để đóng hình dấu làm giả của cơ quan, tổ chức vào tài liệu, dán tem của Bộ G1 vào tài liệu.

Ngoài việc trực tiếp nhận làm giấy tờ, tài liệu giả cho khách hàng, Trần P còn nhận làm giấy tờ, tài liệu giả thông qua các "cò" là những người trực tiếp nhận làm giấy tờ, tài liệu giả cho khách hàng, sau đó chuyển thông tin qua cho P để P chuyển cho T5, T6 làm rồi gửi cho khách hàng theo địa chỉ "cò" cung cấp. Sau khi nhận tiền khách hàng trả qua Công ty C5, P sẽ trừ chi phí tiền gửi (từ 300.000đ - 400.000đ/1 đơn hàng gửi đi), tiền làm giấy tờ, tài liệu phải trả cho T5, T6 và hoa hồng là 500.000đ đến 600.000đ/1 bộ tài liệu, số tiền còn lại P sẽ trả cho các "cò" bằng tiền mặt (đối với các "cò" ở thành phố Hồ Chí Minh) hoặc chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng (đối với các "cò" ở tỉnh ngoài) từ tài khoản số 19404237 tên Ngô Tất H4 mở tại Ngân hàng A. P thực hiện liên lạc, trao đổi về việc làm giấy tờ, tài liệu giả với "cò" qua Z và ghi chép lại trong các quyển sổ có ghi tên Trần L1, T8, N1, A.Lượng, H6, C.Hai mà P đã giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Sau một thời gian, Nguyễn Thị T (là vợ Trần P) biết P làm giả các loại bằng cấp để bán nên tham gia cùng P. Khi P bận việc hoặc vắng nhà thì T trực tiếp trao đổi, nhận làm giấy tờ giả thông qua các tài khoản Zalo MsLoan, Trần P2, Trần H5, Thảo C1, Kim P1, T… sau đó chuyển thông tin khách hàng qua tài khoản Ms Loan rồi chuyển sang tài khoản gmail "Thaochihcm2019@gmail.comtừ tài khoản này gửi sang tài khoản gmail "dotuan112019@gmail.comcủa Nguyễn Trung T5. Ngoài ra, T ghi chép sổ sách, thống kê danh sách người đặt làm giấy tờ giả để theo dõi, quản lý việc làm tài liệu giả của vợ chồng T và của một số "cò".

Khi đã làm xong giấy tờ, tài liệu giả theo thông tin Trần P, Nguyễn Thị T cung cấp, Đỗ Đức T6 sẽ gửi giấy tờ, tài liệu trên theo địa chỉ, số điện thoại của người do Trần P thuê để người này gửi cho khách hàng thông qua công ty C5. Ban đầu, Trần P thuê người có tên gọi là "C" với giá 300.000đ/1 đơn hàng gửi thành công, "Cu Lì" sẽ gửi giấy tờ, tài liệu giả theo số điện thoại, địa chỉ do Trần P cung cấp, nhận tiền thu hộ do Công ty C5 trả, sau đó gặp trực tiếp Trần P để đưa tiền cho P (đã trừ đi chi phí gửi tài liệu). Đến đầu năm 2021, do thấy em vợ là Nguyễn Thị T1 lao động tự do, thu nhập không đáng kể nên P thuê vợ chồng Nguyễn Thị T1, Nguyễn Tấn T2 làm nhiệm vụ gửi giấy tờ, tài liệu cho Trần Phúc t "Cu Lì". Trần Phúc trả cho vợ chồng T1 - T2 số tiền 300.000đ - 400.000đ/1 đơn hàng giao thành công.

Khi được Trần P thuê làm nhiệm vụ gửi giấy tờ, tài liệu cho khách hàng, P yêu cầu phải sử dụng tài khoản ngân hàng nên T1 mua 2 thẻ căn cước công dân tên Trần Thanh H7, Trần Phương C2, sử dụng các thẻ căn cước công dân trên để đăng ký mở tài khoản ngân hàng tại các ngân hàng A, V, V1 và Đ. Sau khi nhận giấy tờ, tài liệu do Đỗ Đức T6 gửi đến qua shiper, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Tấn T2 chụp ảnh tài liệu gửi cho P, P gửi số điện thoại, địa chỉ người nhận hàng thì T1, T2 sẽ sử dụng hộp giấy, băng dính đóng gói tài liệu lại và gửi qua các Công ty chuyển phát gồm Công ty CP G2 (GHTK), Công ty TNHH N2, Công ty CP

Đ3 (N) và Tổng công ty CP B (V). Tuỳ thời điểm mà Thêm đăng ký tài khoản nhận tiền do Công ty T10 từ khách hàng là tài khoản số 19404237 tên Ngô Tất H4 mở tại ngân hàng A, tài khoản số 20316607 mở tại ngân hàng A, tài khoản số 105876216696 mở tại ngân hàng V1 và tài khoản số 1029503839 mở tại ngân hàng V tên Trần Thanh H7. Sau khi nhân viên của Công ty C5 giao hàng thành công, thu tiền từ khách hàng nộp về Công ty chuyển phát, Công ty sẽ trừ đi chi phí vận chuyển hàng, số tiền còn lại sẽ chuyển về các tài khoản mà Nguyễn Thị T1 đã đăng ký.

Đến tháng 4/2021, T1, T2 được Trần P hướng dẫn tìm kiếm khách hàng có nhu cầu đặt mua giấy tờ, tài liệu giả để bán kiếm lời và thông qua P để thuê Mai Tiến Đ2 chạy quảng cáo trên facebook với nội dung nhận làm các loại giấy tờ, bằng cấp, có gắn thông tin số điện thoại hotline/Zalo do T1, T2 cung cấp cho Đ2. Thêm, T2 phải trả chi phí cho đơn vị quảng cáo (Facebook) thông qua Đ2 và trả lương cho Đ2 1.500.000đ/1 tháng. Trong thời gian từ tháng 5/2021 đến tháng 12/2022, do dịch bệnh nên Đ2 không nhận tiền lương.

Sau khi thoả thuận, nhận thông tin của khách hàng, T1 hoặc T2 sẽ chuyển thông tin qua tài khoản Zalo MsLoan để P, Nguyễn Thị T chuyển cho T5, T6 làm. Đối với số tiền thu được từ khách hàng của T1, T2 thì P tính chi phí hết 500.000đ/1 bộ giấy tờ, tài liệu (bao gồm chi phí trả cho T5, T6 và tiền hoa hồng), số tiền còn lại thì T1, T2 được hưởng. P, T còn giao cho T1, T2 theo dõi, quản lý việc làm giấy tờ, tài liệu giả với "cò" Trần Lâm . Theo thoả thuận, "Trần L1" sẽ chuyển thông tin khách hàng cho T1, T2 qua Z, sau đó T1, T2 chuyển tiếp qua Zalo MsLoan để làm giấy tờ, tài liệu cho khách hàng.

Giữa T1 và P thường xuyên đối soát, thống nhất về số loại, số lượng giấy tờ, tài liệu gửi đi, số tiền thu được của khách hàng do công ty C5 hoàn trả vào các tài khoản số 20316607, 1029503839, 105876216696 tên Trần Thanh H7 và tài khoản số 19404237 tên Ngô Tất H4, sau đó thanh toán bằng hình thức chuyển tiền giữa tài khoản 19404237 và tài khoản 20316607.

Trường hợp Nguyễn Thị T1 đăng ký tài khoản nhận tiền là tài khoản số 19404237 tên Ngô Tất H4, đối với số tiền thu từ khách hàng của cò "Trần Lâm" (do T1 quản lý thay P) thì P sẽ chuyển tiền sang tài khoản số 20316607, T1 trừ chi phí tiền gửi, sau đó chuyển số tiền còn lại cho "Trần L1" theo số tài khoản "Trần Lâm" cung cấp, "T" sẽ thanh toán lại cho P theo giá thoả thuận là 500.000đ/1 bộ tài liệu. Nếu số tiền thu của khách hàng khác thì P sẽ chuyển cho T1 chi phí tiền gửi. Đối với khách của vợ chồng T1 thì P sẽ tính riêng, trừ chi phí trả tiền thuê làm giấy tờ, tài liệu và tiền hoa hồng (500.000đ/1 bộ tài liệu), số tiền còn lại sẽ chuyển lại tài khoản số 20316607 cho Nguyễn Thị T1.

Trường hợp Nguyễn Thị T1 đăng ký tài khoản nhận tiền là tài khoản số 20316607 tên Trần Thanh H7 mở tại ngân hàng A, đối với số tiền thu từ khách hàng của "Trần L1" thì T1 trừ chi phí tiền gửi 300.000đ - 400.000đ/1 đơn hàng, sau đó chuyển số tiền còn lại cho "Trần L1" theo số tài khoản cò "Trần L1"

cung cấp, "Trần L1" sẽ chuyển tiền lại cho P theo thoả thuận là 500.000đ/1 đơn hàng vào tài khoản số 19404237 tên Ngô Tất H4. Nếu số tiền thu của khách hàng khác thì T1 trừ chi phí tiền gửi, sau đó chuyển số tiền còn lại sang tài khoản số 19404237 cho P. Đối với khách của vợ chồng T1 thì P sẽ trừ chi phí trả tiền làm giấy tờ, tài liệu và tiền hoa hồng (500.000đ/1 đơn hàng), số tiền còn lại sẽ chuyển lại tài khoản số 20316607 cho Nguyễn Thị T1.

Từ đầu tháng 11/2022, Nguyễn Thị T còn thuê Hoàng Ngọc Minh H8 (sinh năm 2002), thường trú tại phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế chạy quảng cáo trên Facebook. H8 đã mua, tạo tài khoản Facebook "Bằng cấp Thảo Chi" có đăng số điện thoại hotline/Zalo do T cung cấp nhưng do có ít người liên hệ để đặt mua bằng cấp, giấy tờ nên đến đầu tháng 12/2022, T không thuê H8 chạy quảng cáo trên facebook nữa.

Với phương thức, thủ đoạn nêu trên, từ năm 2021 đến khi đầu thú Trần P, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Tấn T2, Nguyễn Trung T5, Đỗ Đức T6 đã làm giả nhiều tài liệu, giấy tờ và bán cho nhiều người ở nhiều địa phương khác nhau trên cả nước. Căn cứ tài liệu do 04 Công ty chuyển phát cung cấp, xác định từ đầu năm 2021 đến ngày 29/12/2022, đã có 2.532 người ở 63 tỉnh, thành phố trong nước đặt mua giấy tờ, tài liệu giả của Trần P và đồng phạm. Sau khi thu hộ tiền của người mua giấy tờ, tài liệu giả, các Công ty chuyển phát chuyển trừ chi phí tiền gửi tài liệu, số tiền còn lại sẽ chuyển về các tài khoản 19404237 tên Ngô Tất H4, tài khoản 20316607 tên Trần Thanh H7 mở tại Ngân hàng A, tài khoản 105876216696 tên Trần Thanh H7 mở tại Ngân hàng V1 và tài khoản 1029503839 tên Trần Thanh H7 mở tại Ngân hàng V, cụ thể như sau:

Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 29/12/2022: Tài khoản số 19404237 tên Ngô Tất H4 (do P quản lý, sử dụng) mở tại Ngân hàng A nhận số tiền 3.488.014.937đ từ các Công ty CP Đ3; Tổng công ty CP B; Công ty CP G2 và Công ty TNHH N2 trả về.

Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 29/12/2022: Tài khoản số 20316607 tên Trần Thanh H7 (do Thêm quản lý, sử dụng) mở tại Ngân hàng A nhận số tiền 4.909.348.000đ từ các Công ty chuyển phát trả về.

Từ ngày 24/8/2022 đến ngày 09/9/2022: Tài khoản số 105876216696 tên Trần Thanh H7 (do Thêm quản lý, sử dụng) mở tại Ngân hàng V1 nhận số tiền 290.340.000đ.

Từ ngày 04/7/2022 đến ngày 09/12/2022: Tài khoản số 1029503839 tên Trần Thanh H7 (do Thêm quản lý, sử dụng) mở tại Ngân hàng V nhận số tiền 965.041.000đ.

Tổng số tiền thu được từ những người mua giấy tờ, tài liệu là 9.652.743.937đ.

Từ đầu năm 2021 đến hết năm 2022, Trần P sử dụng các tài khoản số

19404237 tên Ngô Tất H4 và tài khoản 225295489 tên Trần Phúc m tại ngân hàng A chuyển đến tài khoản ngân hàng số 8286863838 của Nguyễn Trung T5 mở tại Ngân hàng T9 là 1.680.000.000đ để trả tiền làm giấy tờ, tài liệu cho T5, T6. Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 29/12/2022, Nguyễn Trung T5 sử dụng tài khoản ngân hàng chuyển tiền sang tài khoản số 75764119 mở tại Ngân hàng A cho Đỗ Đức T6 số tiền 482.270.000đ để trả tiền thuê nhà và phần tiền T6 được hưởng, ngoài ra còn đưa bằng tiền mặt. T5, T6 khai báo, tiền mua sắm công cụ, phương tiện, thiết bị để làm giấy tờ, tài liệu giả hết khoảng 100 triệu đồng, hai lần thay máy móc hết gần 200 triệu đồng và chi trả tiền thuê nhà hết 240 triệu đồng, mỗi người được hưởng khoảng 570 triệu đồng.

Từ tháng 01/2021 đến hết tháng 12/2022: Trần P sử dụng các số tài khoản 12420747, 19404237, 225295489 mở tại ngân hàng A chuyển tiền cho Mai Tiến Đ2 178 lần vào tài khoản số 19034408841014 tên Mai Tiến Đ2 mở tại ngân hàng T9 tổng số tiền là 1.153.390.000đ để trả tiền lương cho Mai Tiến Đ2 và trả tiền cho nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo thông qua Đ2.

Từ tháng 04/2021 đến hết tháng 12/2022: Nguyễn Thị T1 sử dụng các số tài khoản 234193579, 646858, 216478489 mở tại ngân hàng A để chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng số 19034408841014 của Mai Tiến Đ2 mở tại ngân hàng T9 89 lần tổng số tiền là 374.805.000đ để trả tiền lương cho Mai Tiến Đ2 và trả tiền cho nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo thông qua Đ2.

Mai Tiến Đ2 đã thanh toán cho nhà cung cấp dịch vụ (Google, Facebook) bằng hình thức mua tài khoản đã có sẵn tiền dịch vụ (tài khoản trả trước) của những người có tên Nguyễn Quang H9, Lê Nhựt Q, Kim C3 hoặc đăng ký tài khoản quảng cáo (tài khoản trả sau) với nhà cung cấp dịch vụ liên kết với các tài khoản ngân hàng số 19034408841014 tên Mai Tiến Đ2, 19030958654021 tên Mai Ngọc H10 mở tại Ngân hàng T9. Đối với việc sử dụng tài khoản trả sau, khi Mai Tiến Đ2 sử dụng dịch vụ sẽ bị trừ số tiền tương ứng ở các ngân hàng liên kết với nội dung giao dịch là "GD the tren internet so the 422149…9663" hoặc "GD the tren internet so the 422149…1914". Từ ngày 01/01/2021 đến 29/12/2022, Mai Tiến Đ2 bị trừ từ tài khoản số 19034408841014 khi sử dụng dung lượng của nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo là 655.736.526 đồng, số tiền bị trừ từ tài khoản số 19030958654021 tên Mai Ngọc H10 khi sử dụng dung lượng của nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo là 415.866.826 đồng, số tiền mua tài khoản quảng cáo của Nguyễn Quang H9, Lê Nhựt Q, Kim C3 với số tiền là 320.321.383đ. Số tiền còn lại, Mai Tiến Đ2 được hưởng lợi là 136.270.265đ.

Từ ngày 08/11/2022 đến khoảng ngày 10/12/2022: Trần P, Nguyễn Thị T sử dụng tài khoản số 19404237 tên Ngô Tất H4 để chuyển số tiền 19.250.000đ vào tài khoản số 8875999999 của Hoàng Ngọc Minh H8 mở tại Ngân hàng V để trả tiền cho H8 chạy quảng cáo trên facebook.

Số tiền còn lại 6.425.658.937đ các bị cáo Trần P, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Tấn T2 phải chịu trách nhiệm chung.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2024/HS-ST ngày 22/02/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh T đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Trần P, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Tấn T2, Bùi Thị M phạm tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức"; Bị cáo Trương Thị D1 phạm tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

Căn cứ điểm a, c khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, b khoản 1 Điều 52 Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt:

1. Bị cáo **Trần P 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/01/2023. Phạt bổ sung bị cáo 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

2. Bị cáo **Nguyễn Thị T1 04 (bốn) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án. Thời gian tạm giữ (từ ngày 01/01/2023 đến ngày 10/01/2023) được trừ vào thời gian chấp hành án. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000đ (mười triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

3. Bị cáo **Nguyễn Tấn T2 04 (bốn) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/01/2023. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000đ (mười triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

4. Bị cáo **Nguyễn Thị T 04 (bốn) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000đ (mười triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

5. Bị cáo **Bùi Thị M 02 (hai) năm tù.** Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án. Phạt bổ sung bị cáo 5.000.000đ (năm triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

Căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo **Trương Thị D1** 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo khác, xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Trần P, Nguyễn Tấn T2 kháng cáo xin giảm hình phạt; các bị cáo Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị T1, Bùi Thị M kháng cáo xin giảm hình phạt và được hưởng án treo; bị cáo Trương Thị D1 kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 02/6/2024, bị cáo Bùi Thị M có đơn xin rút kháng cáo. Ngày 12/6/2024, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã ban hành Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Bùi Thị M.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo,

thành khẩn khai báo và thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại số tiền thu lời bất chính không nhiều như bản án sơ thẩm quy kết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Trần P, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Tấn T2 về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức"; Bị cáo Trương Thị D1 về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"; áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo để xử phạt bị cáo Trần P 05 năm 06 tháng tù; các bị cáo Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Tấn T2, mỗi bị cáo 04 năm tù; Trương Thị D1 06 tháng tù là phù hợp.

Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo P, T2, T1, T có xuất trình thêm tình tiết giảm nhẹ mới nhưng không đáng kể; bị cáo D1 đang có thai nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 355, 356, 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần P, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Tấn T2; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trương Thị D1, giữ nguyên hình phạt và cho bị được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Tại giai đoạn sơ thẩm, các cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Kháng cáo của các bị cáo Trần P, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Tấn T2, Trương Thị D1 trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Bản án sơ thẩm quy kết. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Đủ căn cứ để xác định:

Vì mục đích tư lợi bất chính, Trần P, Nguyễn Trung T5, Đỗ Đức T6 đã bàn bạc, chuẩn bị các công cụ phương tiện như máy tính, máy in, máy làm dấu,

các dụng cụ, phương tiện, hoá chất, các loại phôi bằng… tìm kiếm khách hàng mua các loại bằng cấp chứng chỉ giả cho những người có nhu cầu trên phạm vi cả nước; để tăng lượt khách hàng biết đến việc làm giấy tờ giả Trần P đã thuê Mai Tiến Đ2 chạy quảng cáo trên nền tảng mạng xã hội G, Facebook. Quá trình làm thì có Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Tấn T2 tham gia cùng làm dịch vụ bằng cấp giả. Trong khoảng thời gian từ năm 2021 đến cuối năm 2022, các bị cáo đã làm và bán được bằng cấp chứng chỉ giả cho 2532 người, thu lợi bất chính 9.652.743.937đ (chín tỷ, sáu trăm năm hai triệu, bảy trăm bốn ba nghìn, chín trăm ba bảy đồng). Số tiền này sau khi về tài khoản của P, T1 sẽ được chuyển đến các tài khoản của các bị cáo khác để chi trả tiền quảng cáo, tiền lương, tiền mua, sửa chữa thiết bị, trả tiền lương, trả tiền cho nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo thông qua Đ2. Tổng số tiền Đ2 được P, T1 chuyển khoản là 1.528.195.000đ (một tỷ năm trăm hai tám triệu, một trăm chín lăm nghìn đồng). Tổng số tiền thanh toán cho hoạt động quảng cáo là 1.401.924.735đ; trả tiền chạy quảng cáo trên facebook là 19.250.000đ (mười chín triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng). Số tiền còn lại 6.425.298.937đ (sáu tỷ bốn trăm hai lăm triệu, hai trăm chín tám nghìn, chín trăm ba bảy đồng) các bị cáo Trần P, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị T1 và Nguyễn Tấn T2 phải chịu trách nhiệm chung về số tiền này.

Đối với Trương Thị D1: Bùi Thị M biết D1 vừa đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản về chưa có việc làm nên đã nói với D1 có chỗ làm bằng giả để xin việc. D1 đồng ý, M liên hệ làm cho D1 một bằng tốt nghiệp cao đẳng hệ giáo dục mầm non và 01 bảng kết quả toàn khóa học của Trường Đại học H11. D1 sử dụng bằng này để xin việc tại Trường mầm non C4.

Bởi hành vi nêu trên Trần P, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Tấn T2 đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại điểm a, c khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự; Trương Thị D1 về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự; Tòa án cấp sơ thẩm buộc các bị cáo Trần P, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị T1 và Nguyễn Tấn T2 phải liên đới chịu trách nhiệm về số tiền 6.425.298.937đ là tiền thu lời bất chính sau khi trừ đi tiền quảng cáo, tiền lương, tiền mua, sửa chữa thiết bị, trả tiền lương, trả tiền cho nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo… là có căn cứ.

[3]. Xét kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, vai trò, vị trí nhân thân và hoàn cảnh cụ thể của từng bị cáo. Theo đó xác định đây là vụ án phạm tội có tổ chức, hoạt động của các bị cáo có sự cấu kết chặt chẽ với nhau. Các bị cáo Trần P, Nguyễn Trung T5, Đỗ Đức T6 là những người bàn bạc, chuẩn bị các công cụ, phương tiện phạm tội để hợp tác làm các loại giấy tờ, bằng cấp, chứng chỉ giả bán nhằm mục đích thu lợi. Trần Phúc tìm kiếm, liên hệ với khách hàng; T5, T6 làm các loại giấy tờ, tài liệu

giả theo thông tin do Trần P cung cấp, lợi nhuận sẽ được chia cho các bị cáo. Trong đó Trần Phúc g vai trò thứ nhất trong vụ án. T5, T6 giữ vai trò ngang nhau trong vụ án, sau bị cáo P.

Đối với Nguyễn Thị T biết chồng là Trần P làm giấy tờ, tài liệu giả để bán cũng đã cùng tham gia và thực hiện các hành vi giống như Trần P khi P bận việc hoặc vắng nhà, ngoài ra T còn ghi chép sổ sách để theo dõi, quản lý việc làm giấy tờ giả của bản thân và một số người khác (cò). Nguyễn Thị T1, Nguyễn Tấn T2: Biết Trần P làm giấy tờ, tài liệu giả để bán, đồng ý thực hiện hành vi gửi giấy tờ, tài liệu giả cho khách hàng thông qua các Công ty chuyển phát nên đã giúp sức cho P để hưởng lợi. Ngoài ra, T1, T2 còn trực tiếp trao đổi với những người có nhu cầu làm giấy tờ, tài liệu giả, tiếp nhận thông tin của những người này chuyển cho vợ chồng P, T để làm giấy tờ, tài liệu giả.

Trương Thị D1 có hành vi sử dụng Bằng tốt nghiệp Cao đẳng giả để bổ sung vào hồ sơ xin làm giáo viên tại Trường mầm non C4 nên phải chịu trách nhiệm độc lập về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

[3.1]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Trần P, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị T1 và Nguyễn Tấn T2 phải chịu tình tiết tăng nặng: "Phạm tội có tổ chức" và "phạm tội có tính chất chuyên nghiệp", quy định tại các điểm a, b khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[3.2]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Thị T thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Các bị cáo Trần P, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Tấn T2, sau khi phạm tội đã đầu thú, thành khẩn khai báo, bị cáo T1, P tự nguyện nộp 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) tiền thu lợi bất chính là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Bị cáo Trương Thị D1 thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nộp lại số tiền 1.367.000đ (một triệu ba trăm sáu bảy nghìn đồng) là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[3.3]. Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị T1 xuất trình đơn xin xác nhận trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn, các con còn nhỏ đang tuổi đi học; quá trình sống tại địa phương chấp hành tốt các quy định của địa phương, pháp luật của nhà nước có xác nhận của chính quyền địa phương; bản pho to giấy tờ, tài liệu thể hiện các bị cáo có bố đẻ bị cáo là ông Nguyễn Ngọc D đã tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế; mẹ đẻ là bà Trần Thị H tham gia dân công hỏa tuyến; Huân, huy chương của ông Nguyễn Văn L2, các bị cáo trình bày là ông nội nhưng không có văn bản xác nhận mối quan hệ.

Bị cáo Trương Thị D1 có ông nội tham gia thanh niên xung phong phục vụ kháng chiến; bà nội tham gia dân công hỏa tuyến trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước; quá trình tại ngoại sống tại địa phương đã có công phát hiện cứu người đuối nước; kết quả siêu âm thể hiện bị cáo đang mang thai 12 tuần.

Xét thấy tính chất của vụ án do các bị cáo gây ra là nghiêm trọng. Các bị cáo Trần P, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị T1 và Nguyễn Tấn T2 đã làm giả giấy tờ tài liệu với số lượng lớn để bán trên phạm vi cả nước với rất nhiều loại bằng cấp, giấy tờ giả khác nhau như bằng tốt nghiệp đại học, thạc sỹ, kỹ sư, bằng tốt nghiệp cấp ba… để những người có nhu cầu mua sử dụng vào mục đích cá nhân của riêng họ, rất nhiều người đã sử dụng các loại giấy tờ giả mà các bị cáo sản xuất để xin việc vào các cơ quan Nhà nước, gây ảnh hưởng đến những người học hành chính quy bài bản… đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của cơ quan, tổ chức Nhà nước trong lĩnh vực quản lý hành chính Nhà nước; Tại cấp phúc thẩm các bị cáo P, T2 không được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới; các bị cáo T, T1 có xuất trình thêm tình tiết mới nhưng không đáng kể. Số tiền hưởng lợi rất lớn nhưng cả bốn bị cáo đều chưa tích cực khắc phục hậu quả, mặt khác hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo là đã có phần nương nhẹ. Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần P, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị T1 và Nguyễn Tấn T2.

Đối với bị cáo Trương Thị D1 là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo là phụ nữ tuổi đời còn trẻ, mới xây dựng gia đình hiện đang có thai nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại điểm n khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên hình phạt và cho bị cáo được cải tạo tại địa phương thể hiện sự nhân đạo của pháp luật.

[4] Về án phí: bị cáo Trương Thị D1 kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí phúc thẩm hình sự. Các bị cáo Trần P, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị T1 và Nguyễn Tấn T2 kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm hình sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, 356, 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần P, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị T1 và Nguyễn Tấn T2; Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trương Thị D1. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2024/HSST ngày 22/02/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh T.

Tuyên bố các bị cáo Trần P, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Tấn T2 phạm tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức"; Bị cáo Trương Thị D1 phạm tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

Căn cứ điểm a, c khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, b khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt:

1. Bị cáo **Trần P 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/01/2023. Phạt bổ sung bị cáo 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

2. Bị cáo **Nguyễn Thị T1 04 (bốn) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Thời gian tạm giữ (từ ngày 01/01/2023 đến ngày 10/01/2023) được trừ vào thời gian chấp hành án. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000đ (mười triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

3. Bị cáo **Nguyễn Tấn T2 04 (bốn) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/01/2023. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000đ (mười triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

4. Bị cáo **Nguyễn Thị T 04 (bốn) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000đ (mười triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

Căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm i, s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo **Trương Thị D1** 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Trương Thị D1 cho UBND xã H, huyện H, tỉnh T giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Các bị cáo Trần P, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị T1 và Nguyễn Tấn T2, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Trương Thị D1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật ngay sau khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh T;
- VKSND tỉnh T;
- Cục THADS tỉnh T;
- Công an tỉnh T;
- Trại tạm giam Công an tỉnh T;
- UBND xã Hoằng Thanh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh T;
- Bị cáo (theo TTG, địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án, Phòng HC-TP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Thu Hà